| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THUẬN THÀNH**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 13/2018/HNGĐ- ST<br>Ngày: 09/ 8/2018.<br>*V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình* | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đình Quế Bà Nguyễn Thị Sơn

*Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Vũ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Thành.

*Đại diện VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Ông Đoàn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Thành mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST - HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXX- ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Vương Thị N, sinh năm 1977.

Trú tại: Thôn L, Đ, thị trấn H, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

(Có mặt)

*Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn L, Đ, thị trấn H, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Vương Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 15/12/1995, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn chị N về chung sống cùng gia đình anh T ngay.

Theo như chị N trình bày: Vợ chồng chung sống hạnh đến năm 2003, chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến ngày 17/3/2017 thì về nước. Trong thời gian chị N ở Đài Loan tình cảm vợ chồng vẫn bình thường nhưng sau khi về nước được khoảng 3- 4 tháng thì giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên chửi bới chị vô cớ và đuổi chị ra khỏi nhà. Do không thể chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ để ở từ tháng

9/2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay . Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Nguyễn Văn T 1, sinh ngày 23/9/1996. Hiện cháu đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác nhận giữa chị và anh T có tài sản chung là một ngôi nhà 02 tầng có diện tích khoảng 75$m^2$ /1 tầng và số tiền tiết kiệm là 200 triệu đồng. Nhưng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị xác nhận chị và anh T không vay nợ ai và không cho ai vay.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã giao Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Nguyễn Văn T theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai ngày 09/5/2018 anh T xác nhận lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân và con chung là đúng. Quá trình chung sống giữa anh và chị N có xảy ra mâu thuẫn và chị N đã bỏ về nha bố mẹ để ở từ tháng 9/2017 và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian chị N về nhà bố mẹ đẻ, anh đã nhiều lần đến gọi nhưng chị N không về. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Do cháu Tùng đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên toà hôm nay chị Vương Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không đúng quy định của pháp luật . Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung và tài sản chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Vương Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 15/12/1995, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu và đăng ký tại UBND xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Vương Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là có thật và nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không quan tâm đến nhau. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 9/2017 cho đến nay. Phía anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp nào để giải quyết, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải nhiều lần để các bên về đoàn tụ nhưng không thành vì anh T đều vắng mặt. Chị N vẫn đề nghị được ly hôn với anh T vì tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được cần xử cho chị N được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N, anh T có 01 con chung là Nguyễn Văn T 1, sinh ngày 23/9/1996, hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Chị Vương Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Nđược ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Vương Thị N, anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Văn T 1, sinh ngày 23/9/1996, hiện đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Vương Thị N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp đủ 300.000đ tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2012/01284 ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Thuận Thành;*
- *THADS huyện Thuận Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Đã ký**

**Nguyễn Thị Minh Thu**